

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/DS-ST
ngày 20/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Văn Phúc và ông Nông Vĩnh Nam

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Tâm - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lục Thị Hà - Kiểm sát viên

Ngày 20/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 31/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn H**

Địa chỉ: Xóm Q, xã T, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị đơn:* **Lương V**

Địa chỉ: Xóm K, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Hoàng Thị P

Địa chỉ: Xóm K, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn H trình bày: Tôi yêu cầu anh Lương V phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 92.500.000 đồng theo giấy nhận nợ được ký ngày 26/02/2021 và giấy hẹn trả tiền ngày 10/03/2021 cùng lãi suất chậm trả là 12%/ năm kể từ ngày 26/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lương V trình bày: Tôi công nhận được nợ anh Nguyễn H số tiền gốc là 92.500.000 đồng theo như giấy nhận nợ lập ngày 26/02/2021 và giấy hẹn trả tiền lập ngày 10/03/2021. Do làm ăn khó khăn chưa có tiền để trả anh H, đề nghị anh H tạo điều kiện cho tôi được trả góp 5.000.000 đồng/tháng số tiền gốc cho đến khi hết nợ. Còn về lãi phát sinh do chậm trả 12%/năm như anh H yêu cầu thì tôi không nhất trí.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 92.500.000 đồng theo giấy nhận nợ được ký ngày 26/02/2021 và giấy hẹn trả tiền ngày 10/03/2021, nhưng thay đổi mức lãi suất chậm trả là 0,80%/ tháng kể từ ngày 10/3/2021 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 20/6/2023) và bổ sung yêu cầu Tòa xem xét hành vi trốn tránh trách nhiệm trả nợ của anh V là lừa đảo chiếm đoạt tài sản để chuyển xử lý hình sự. Nguyên đơn không chấp nhận phương án trả nợ của bị đơn theo tỷ lệ anh V là 70%, bà P là 30% do bà P tuổi cao, không có thu nhập. Yêu cầu anh V phải tự mình trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh, tuy nhiên trường hợp bà Phìn hỗ trợ trả nợ thì đồng ý.

Tại phiên tòa bị đơn công nhận được nợ nguyên đơn số tiền gốc là 92.500.000 đồng theo như giấy nhận nợ lập ngày 26/02/2021 và giấy hẹn trả tiền lập ngày 10/03/2021, nhưng không nhất trí với yêu cầu lãi suất chậm trả 0,80%/ tháng. Bị đơn đề nghị mỗi tháng trả 05 triệu đồng của anh V là 70%, bà P là 30% cho đến khi trả xong nợ gốc 92.500.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị P công nhận được ký vào giấy hẹn trả tiền lập ngày 10/3/2021 theo yêu cầu của anh H, tuy nhiên bà không được vay anh H, việc vay nợ là của con trai (V) bà làm ăn với anh H. Bà đã có tuổi, không có thu nhập, nhưng bà sẽ hỗ trợ anh V trả nợ cho anh H, bà không nhất trí với yêu cầu lãi suất do chậm trả 0,80%/ tháng.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ của vụ án và qua phần hỏi công khai tại phiên tòa, nhận thấy bị đơn Lương V công nhận còn nợ nguyên đơn Nguyễn H số tiền 92.500.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 92.500.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,80%/ tháng kể từ ngày 10/3/2021 đến thời điểm xét xử và phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Các đương sự có nơi cư trú tại huyện Quảng Hòa xác lập hành vi ký giấy nhận nợ tiền chưa thanh toán, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự việc được các bên ký kết ngày 26/02/2021, vì vậy sẽ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với số tiền gốc: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tranh luận công khai tại phiên tòa, nhận thấy bị đơn Lương V thừa nhận được nợ nguyên đơn Nguyễn H số tiền 92.500.000 đồng theo như giấy nhận nợ lập ngày 26/02/2021 và giấy hẹn trả tiền lập ngày 10/03/2021. Do đó yêu cầu khởi kiện của Nguyễn H về việc buộc bị đơn Lương V phải trả số tiền còn nợ 92.500.000 đồng cho anh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lãi suất chậm trả 0,80%/ tháng: Căn cứ Giấy nhận nợ lập ngày 26/02/2021 và giấy hẹn trả tiền lập ngày 10/03/2021 thì bị đơn Lương V cam kết ngày phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán là ngày 10/03/2021 nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất do chậm thanh toán, vì vậy yêu cầu lãi suất do chậm thanh toán 0,80%/ tháng của nguyên đơn là phù hợp và thấp hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (50% của 20%/năm tức 0,83%/tháng), cụ thể: Từ ngày 10/03/2021 đến ngày xét xử 20/6/2023 là 833 ngày, nên tiền lãi là 92.500.000 đồng x 833 ngày x 0,80%/30 = 20.547.333 đồng (Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Như vậy bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn nợ gốc và lãi do chậm thanh toán là **113.047.333 đồng** (Một trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Đối với yêu cầu Tòa xem xét hành vi trốn tránh trách nhiệm trả nợ của anh Lương V là lừa đảo chiếm đoạt tài sản để chuyển xử lý hình sự. Hội đồng xét xử không xem xét vì Cơ quan điều tra - Công an huyện Quảng Hòa đã kết luận vụ việc không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và đã hướng dẫn anh Nguyễn H khởi kiện vụ án dân sự ra Tòa.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 113.047.333 đồng x 5% = 5.652.366 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng).

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Lương V phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Nguyễn H số tiền nợ gốc là 92.500.000,đ và tiền lãi suất do chậm trả là 20.547.333 đồng, tổng cộng là **113.047.333 đồng** (Một trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định của Ngân hàng nhà nước hoặc theo sự thỏa thuận của các bên đương sự (nếu có), nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về án phí:

Nguyên đơn Nguyễn H được trả lại số tiền tạm ứng án phí 2.914.000,đ (Hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0004767 ngày 12/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa.

Bị đơn Lương V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.652.366 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Phúc Sen;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Diệp